TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/HS-ST
Ngày: 16-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hồng Quận
2. Ông Nguyễn Văn Đém

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long *tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Phong Cảnh– *Kiểm sát viên.*

Ngày 16 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công Ki vụ án hình sự thụ lý số: 92/2022/HSST ngày 08 tháng 12 năm 2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 01 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Võ Tuấn K, sinh ngày 06/7/1991, tại huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long; trú tại: ấp T, xã Th, huyện Y, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn Bé Hai và bà Nguyễn Thị Đ; vợ Hồ Thị Ngọc D; con có 01 người, sinh năm 2018; tiền sự: không; tiền án: không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 12/9/2023. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Bùi Tuấn T, sinh ngày 09/3/1999, tại huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long; trú tại: ấp H, xã Th, huyện j, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn X, (đã chết) và bà Hồ Thị L; tiền sự: không; tiền án: không. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: ông Bùi Minh Triều, trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Vĩnh Long "có mặt".

- Bị hại:

1. Nguyễn Minh K, sinh năm 1980 "vắng mặt".

2. Võ Thị Hồng NH, sinh năm 1989 "vắng mặt".

Cùng địa chỉ cư trú: ấp N, xã H, huyện X, tỉnh Vĩnh Long

3. Nguyễn Hữu T, sinh năm 1980 "có mặt".

4. Đinh Thúy L, sinh năm 1985 "có mặt".

Cùng địa chỉ cư trú: ấp V, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long)

Người làm chứng:

1. Võ Thái Ng, sinh năm 1982 "vắng mặt".

Địa chỉ: ấp T, xã D, huyện G, tỉnh Vĩnh Long.

2. Lê Văn Hiếu E, sinh năm 1992 "vắng mặt".

Địa chỉ cư trú: ấp Tr, xã S, huyện Y, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 15/5/2023, Bùi Tuấn T đi đến nhà của Võ Tuấn K để cùng nhau sử dụng ma túy, sau đó thì K rủ T đi trộm cắp cam sành của người khác để bán lấy tiền mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân thì T đồng ý. Lúc này, K nhờ Lê Văn Hiếu E (đang ngủ nhờ nhà K) gọi điện hỏi giá cam giùm để bán cam của gia đình nên Hiếu E gọi điện hỏi giá cam giúp K, sau đó nói lại cho K biết giá cam thu mua vào là 4.000đ/1kg. Khi biết giá cam, K và T đi cắt trộm cam. K lấy 01 cây kéo đưa cho T còn K mang theo 01 cái dao, 02 cái rổ nhựa loại để đựng cam. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, K cùng T đi bộ đến vườn cam tại ấp T, xã H, huyện P, tỉnh Vĩnh Long của ông Nguyễn Minh K, cư trú tại ấp N, xã F, huyện Q, tỉnh Vĩnh Long cách nhà K khoảng 01km, K và T cùng nhau vào vườn cam nêu trên để lấy trộm 01 chiếc ghe bằng nhựa của ông K có tải trọng 250kg, cả hai cùng nhau kéo ghe nhựa sang vườn cam giáp ranh là vườn cam của ông Nguyễn Hữu T nhằm mục đích vận chuyển cam sau khi trộm cắp được. Khi vào vườn cam của ông T, thấy không có ai nên K và T dùng kéo và dao cắt trộm cam sành để vào trong rổ nhựa, sau đó đổ cam xuống ghe nhựa cho đến khi đầy ghe thì kéo ghe ra đầu vườn gần đường đi và mang cam lên bờ. K và T cắt trộm được 01 ghe cam thì cả hai đi về nhà của K để ăn uống và lấy 01 cái đèn pin, loại đèn pin đội đầu và quay lại vườn cam của ông T để tiếp tục cắt trộm cam. Đến khoảng 05 giờ sáng ngày 16/5/2023 thì K và T cắt trộm và vận chuyển ra đầu vườn được 03 ghe cam, do trời sáng, K và T sợ bị phát hiện nên để cam tại vườn của ông T và đi về tìm mượn xe mô tô chở cam đi bán nhưng chưa mượn được xe nên chưa bán được cam. Đến khoảng 06 giờ cùng ngày, thì ông T phát hiện cam bị cắt trộm nên trình báo với Công an xã Thới Hòa, huyện Trà Ôn.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số: 30/KLHĐ-ĐGTS ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự huyện Trà Ôn: ghe nhựa màu xanh mũi dài, tải trọng 250kg có giá trị đến ngày 16/5/2023 là 1.300.000đ;

654kg cam sành loại thu hoạch được có giá trị đến ngày 16/5/2023 là 4.251.000đ. Tổng giá trị tài sản trong vụ trộm cắp xảy ra nêu trên có giá trị đến ngày 16/5/2023 là 5.551.000đ (năm triệu năm trăm năm mươi mốt nghìn đồng).

- Việc thu giữ tài liệu, đồ vật, xử lý vật chứng:

+ 01 (Một) ghe nhựa màu xanh, mũi dài, trọng tải 250kg, dài 3,4m của ông Nguyễn Minh K và 654kg cam sành là tài sản của ông Nguyễn Hữu T. Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Ôn đã trả lại cho chủ sở hữu.

+ 01 (Một) cây kéo có cán màu đen, lưỡi bằng kim loại, có chiều dài 23cm; 01 (Một) cái rổ bằng nhựa màu đỏ, mặt rổ hình tròn, đường kính 46 cm, cao 26 cm; 01 (Một) cái rổ bằng nhựa màu vàng, mặt rổ hình tròn, đường kính 38 cm, cao 20 cm. Hiện Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn đang quản lý.

+ Không thu giữ được: 01 (Một) cái dao, dài khoảng 20 cm có cán nhựa màu xanh, lưỡi dao bằng kim loại, mũi bằng, bị cáo K Ki sau khi cắt trộm cam đã bỏ lại tại vườn cam của ông T nhưng không tìm được; 01 (Một) cái đèn pin, loại đèn pin đội đầu, bị can K đã bỏ thất lạc không tìm lại được.

- Về phần dân sự: ông K và ông T đã nhận lại tài sản bị K và T trộm nên không yêu cầu gì thêm.

Tại bản Cáo trạng số: 102/CT-VKSTÔ ngày 30/11/2022, Viện kiểm sát nhân dân nhân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long đã truy tố bị cáo Võ Tuấn K và Bùi Tuấn T về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn đề nghị: Tuyên bố bị cáo Võ Tuấn K và Bùi Tuấn T về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; điểm h,i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, 58 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Võ Tuấn K từ 07 tháng đến 10 tháng tù.

Xử phạt bị cáo Bùi Tuấn T từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) cây kéo có cán màu đen, lưỡi bằng kim loại, có chiều dài 23cm; 01 (Một) cái rổ bằng nhựa màu đỏ, mặt rổ hình tròn, đường kính 46 cm, cao 26 cm; 01 (Một) cái rổ bằng nhựa màu vàng, mặt rổ hình tròn, đường kính 38 cm, cao 20 cm.

Về án phí sơ thẩm: Buộc bị cáo Võ Tuấn K và Bùi Tấn T mỗi người nộp 200.000đồng án phí hình sự theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nhưng bị cáo Bùi Tuấn T thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Chính phủ nên miễn T bộ án phí cho bị cáo T theo quy định Điều 12, 14 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố, có thái độ ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo Bùi Tuấn T trình bày: Viện kiểm sát truy tố bị cáo T về tội danh và điều luật là đúng, Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị xử phạt bị cáo T từ 06 đến 09 tháng tù là quá nghiêm khắc. Vì bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, ngoài ra bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, là người có trình độ học vấn thấp, là gia đình nghèo, giá trị tài sản trộm thấp, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng đủ điều kiện để cho bị cáo được hưởng án treo nên đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo T được hưởng án treo.

Những người bị hại đã nhận lại được tài sản bị mất không yêu cầu gì. Về trách nhiệm hình sự anh T và chị L xin giảm nhẹ hình phạt cho 02 bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo K không ý kiến

Bị cáo T xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với những người tham gia tố tụng như bị hại Nguyễn Minh K, Võ Thị Hồng NH và những người làm chứng vắng mặt tại phiên nhưng trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai của họ, được cơ quan điều tra lấy lời khai theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên việc xét xử vắng mặt những người trên của Hội đồng xét xử là phù hợp pháp luật.

[3] Về tội danh và điều luật áp dụng:

Lời khai của bị cáo Võ Tuấn K, Bùi Tuấn T tại phiên tòa phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng và các chứng cứ khác mà cơ quan điều tra thu thập, qua đó xác định: Khoảng thời gian từ 17 giờ, ngày 15/5/2023 đến 05 giờ ngày 16/5/2023, tại ấp T, xã H, huyện E, tỉnh Vĩnh Long, Võ Tuấn K và Bùi Tuấn T có hành vi lấy trộm 01 (Một) chiếc ghe bằng nhựa, màu xanh, mũi dài, tải trọng 250kg, trị giá 1.300.000đ của ông Nguyễn Minh K, sau đó sử dụng ghe nhựa này tiếp tục vào vườn cam của ông Nguyễn Hữu T (ấp T, xã L, huyện N, tỉnh Vĩnh Long) cắt trộm 654kg cam sành trị giá 4.251.000đồng để vào ghe nhựa vận chuyển ra ngoài bán lấy tiền tiêu xài cá nhân nhưng chưa kịp bán thì bị phát hiện và thu giữ. Tổng giá trị tài sản K và T trộm cắp ngày vào 15 và 16/5/2023 là 5.551.000đ (Năm triệu năm trăm năm mươi mốt ngàn đồng) nên có căn cứ xác định Võ Tuấn K, Bùi

Tuấn T phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Hành vi của bị cáo Võ Tuấn K, Bùi Tuấn T là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác một cách trái pháp luật, đồng thời gây ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an T xã hội ở địa phương. Hai bị cáo lợi dụng lúc đêm khuya, không canh giữ tài sản nên đã lấy trộm chiếc ghe và hái cam của bị hại. Trong vụ án này, hai bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn, bị cáo K là người K xướng, rủ rê bị cáo T cùng trộm, là người tìm hỏi người thu mua giá cam để khi trộm đem bán, là người dùng dụng cụ để cắt cam và đựng cam nên bị cáo K có vai trò tích cực hơn bị cáo T nên phải chịu hình phạt cao hơn so với bị cáo T.

Hiện tại ở địa phương và nhiều vùng lân cận người dân đa số là trồng cam, số lượng nhiều, diện tích rộng, không người trông coi. Lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu mà thời gian gần đây tình trạng người dân trong vùng bị mất cam khá nhiều nhưng không xử lý được. Để xử lý nghiêm khắc nên cần thiết giam 02 bị cáo để nhằm giáo dục và phòng ngừa những trường hợp tương tự xảy ra.

[4] Về tình tiết tăng nặng: không.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Hai bị cáo là người phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, hai bị cáo phạm tội gây thiệt hại không lớn; T khẩn Ki báo, ăn năn hối cải, bị hại anh T và chị L xin giảm nhẹ hình phạt cho 02 bị cáo đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Những bị hại không yêu cầu gì nên miễn xét.

[7] Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự xét thấy: 01 (Một) cây kéo có cán màu đen, lưỡi bằng kim loại, có chiều dài 23cm; 01 (Một) cái rổ bằng nhựa màu đỏ, mặt rổ hình tròn, đường kính 46 cm, cao 26 cm; 01 (Một) cái rổ bằng nhựa màu vàng, mặt rổ hình tròn, đường kính 38 cm, cao 20 cm đây là công cụ dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí sơ thẩm: Buộc bị cáo Võ Tuấn K, Bùi Tuấn T mỗi người nộp bị cáo nộp 200.000đồng án phí hình sự theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nhưng bị cáo Bùi Tuấn T thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Chính phủ nên miễn T bộ án phí cho bị cáo T theo quy định Điều 12, 14 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

[9] Xét đề nghị của Kiểm sát viên và người bào chữa cho bị cáo T về tội danh, về điều luật áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cho bị cáo là có căn cứ. Tuy nhiên, đối với đề nghị của người bào chữa cho bị cáo T là cho bị cáo T được hưởng án treo do bị cáo T đáp ứng các điều kiện để được án treo nhưng để đảm

bảo tính răn đe bị cáo và phòng ngừa chung đối với tình hình tội phạm này tại địa phương nên cần thiết phải giam bị cáo như đã nhận định trên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173 ; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, 58 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ Điều 106, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015;

Căn cứ điểm Điều 12, Điều 14 Điều; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Võ Tuấn K, Bùi Tuấn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Võ Tuấn K 09 (chín) tháng tù.

Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 12/9/2023).

2.2. Xử phạt bị cáo Bùi Tuấn T 07 (bảy) tháng tù.

Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

3. Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) cây kéo có cán màu đen, lưỡi bằng kim loại, có chiều dài 23cm; 01 (Một) cái rổ bằng nhựa màu đỏ, mặt rổ hình tròn, đường kính 46 cm, cao 26 cm; 01 (Một) cái rổ bằng nhựa màu vàng, mặt rổ hình tròn, đường kính 38 cm, cao 20 cm.

Hiện tài sản trên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn đang quản lý.

Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Ôn và Chi cục Thi hành án huyện Trà Ôn ngày 08/01/2024.

4. Về án phí sơ thẩm:

Buộc bị cáo Võ Tuấn K nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự.

Miễn án phí hình sự cho bị cáo Bùi Tuấn T.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại anh T, chị L được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại anh K, chị NH vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Sở tư pháp: 01;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh VL;
- VKSND huyện Trà Ôn: 01;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 01;
- CA huyện Trà Ôn: 02;
- THA huyện Trà Ôn: 01;
- UBND xã T: 01;
- Bị cáo: 02;
- Bị hại: 04;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Hồ Hoàng Phong